

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-PT
Ngày 07/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên

Các Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Vương và bà Nguyễn Thị Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 1 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2025/HSPT ngày 03 tháng 11 năm 2025. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HSPT ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

***Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Tiến Đ**, sinh ngày: 11/10/2002. Nơi cư trú: Thôn E, xã H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Nghiêm Thị Thu H, sinh năm 2002; có 03 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022 và tại phiên tòa bị cáo trình bày vợ bị cáo mới sinh thêm con thứ ba vào ngày 5/12/2025; tiền án: không; tiền sự: không. Lịch sử bản thân học hết lớp 9/12 sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lưu Thị Kiều T2 – Luật sư Công ty L; Địa chỉ: tầng A, Tòa nhà A, B H, phường N, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH một thành viên C – Chi nhánh B (Công ty J).

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc A – sinh năm 1992(có đơn xin xét xử vắng mặt). Quản lý địa bàn Thái Bình của Công ty J. Địa chỉ: Số nhà D, ngõ D, đường T, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/9/2023, Công ty TNHH một thành viên C -Chi nhánh B (gọi tắt là Công ty J) ký hợp đồng hợp tác số 01323932/2023/HĐHT-JT với Nguyễn Tiến Đ. Theo hợp đồng, Đ có trách nhiệm nhận chuyển phát hàng hóa, bưu gửi của Công ty J đến khách hàng hoặc ngược lại; Nhận các khoản cước phí, tiền hàng thu hộ sau đó bàn giao đúng và đủ số tiền đã thu được cho Công ty J vào thời điểm quy định cụ thể trong hợp đồng là: đơn hàng giao thành công từ 00 giờ đến 13 giờ 30 phút phải nộp tiền trước 14 giờ cùng ngày, đơn hàng giao từ 13 giờ 30 phút đến hết ngày làm việc phải nộp tiền trước 21 giờ cùng ngày. Vào 07 giờ 30 phút hằng ngày, Đ có mặt tại bưu cục Kiến Xương của Công ty có địa chỉ tại thôn Đ, xã K, tỉnh Hưng Yên để chuyển hàng từ xe trung chuyển vào trong bưu cục, sau đó nhận các đơn hàng thuộc địa bàn xã Q cũ (nay thuộc xã K) mà Đ được giao để quét mã QR Code của từng đơn hàng lên ứng dụng J&T Sprinter bằng tài khoản Công ty J&T giao cho Đ. Sau đó, Đ đi giao hàng ca sáng; khoảng 14 giờ, Đ quay lại bưu cục để nhận hàng, đi giao hàng ca chiều và đến 18 giờ 30 phút cùng ngày Đ đến kho để chấm công. Quy trình giao hàng là sau khi quét phát hàng phải gọi điện thoại cho người nhận để liên hệ giao hàng; sau khi giao hàng, nhận tiền thì chụp ảnh giao hàng gửi lên hệ thống, xác nhận hoàn thành đơn hàng trên ứng dụng J&T Sprinter. Theo quy định của Công ty J, đơn hàng được xác nhận giao thành công là khi nhân viên giao hàng thực hiện xác nhận thành công trên hệ thống và phải chuyển tiền về cho công ty hoặc phải xác nhận đơn hàng tồn kho, đơn hàng lỗi trong cùng ngày hôm đó.

Trên thực tế, một số nhân viên giao hàng đã giao hàng, nhận tiền từ khách hàng nhưng không báo giao hàng thành công trên hệ thống mà quét đơn hàng tồn kho để không phải chuyển luôn tiền về cho Công ty J theo quy định, sử dụng số tiền đó vào việc cá nhân khi cần thiết (không có mục đích chiếm đoạt), sau đó khi có tiền trả lại thì bấm hoàn thành đơn hàng trước đó đồng thời thực hiện việc chuyển tiền về cho công ty N vẫn đảm bảo quy trình vận chuyển, thanh toán đơn hàng. Các nhân viên giao hàng gọi đó là “gõ đơn”. Việc làm này các nhân viên văn phòng phụ trách, quản lý bưu cục không biết. Đến cuối ngày khi thực hiện việc kiểm kê hàng, trường hợp nào chưa báo giao thành công thì nhân viên văn phòng sẽ tự quét mã đơn hàng trên hệ thống báo đơn hàng tồn kho để đảm bảo chỉ tiêu kiểm kho và tạo điều kiện cho nhân viên giao hàng không phải chuyển hàng về kho theo quy định. Ngày hôm sau nhân viên giao hàng không phải đến bưu cục để nhận lại hàng mà sẽ tự đi giao hàng và báo đơn hàng thành công trên hệ thống, thanh toán tiền về cho công ty.

Do có mục đích chiếm đoạt tiền đơn hàng của Công ty J để chi tiêu cá nhân đồng thời bỏ việc nên Nguyễn Tiến Đ đã lợi dụng quyền hạn của mình từ ngày 11/02/2025 đến ngày 15/02/2025. Ngoài những đơn hàng trên địa bàn được giao, Đ đã chủ động nhận các đơn hàng có giá trị lớn của một số nhân viên giao

hàng khác để nhận tiền hàng đồng thời thực hiện việc báo giao hàng tồn kho trên hệ thống, không chuyển tiền về Công ty J. Ngày 15/02/2025, sau khi Đ nhận được tiền lương của tháng 01/2025 thì Đ mới thực hiện xác nhận giao hàng thành công trên hệ thống nhưng không thanh toán tiền đơn hàng về Công ty J, không liên lạc với ai trong Công ty J và tự ý bỏ việc. Đ đã giao nhận thành công 118 đơn hàng và chiếm đoạt tổng số tiền là 67.552.073 đồng tiền cước phí, tiền hàng thu hộ của Công ty J để chi tiêu cá nhân.

Ngày 11/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T triệu tập Nguyễn Tiến Đ đến làm việc, Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền 55.000.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng là số tiền chiếm đoạt của Công ty J&T Đ chưa kịp chi tiêu và số tiền 35.000.000 đồng Đ đã chi tiêu cá nhân nhưng đi vay mượn giao nộp lại để khắc phục hậu quả). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T quản lý của Nguyễn Tiến Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 12 Promax màu trắng kèm sim thuê bao 0971422401, là điện thoại Đ đã sử dụng để liên lạc giao nhận hàng trong quá trình làm việc tại Công ty J.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân khu vực 6 – Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Đ phạm tội “Tham ô tài sản”.

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 2 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2025, bị cáo Nguyễn Tiến Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tiến Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54, Điều 65 – Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần

kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ theo hướng xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt: Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến Đ trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai tại cơ quan điều tra; bị hại, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, Nguyễn Tiến Đ đã lợi dụng quyền hạn được Công ty TNHH một thành viên C - Chi nhánh B (Công ty J) giao cho, từ ngày 11/02/2025 đến ngày 15/02/2025, Đ đã giao nhận thành công 118 đơn hàng và chiếm đoạt tổng số tiền là 67.552.073 đồng tiền cước phí, tiền hàng thu hộ của Công ty J.

Bởi hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tiến Đ về tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo và Công ty J có ký kết hợp đồng hợp tác, lợi dụng nhiệm vụ được giao bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 67.552.073 đồng, sau khi bị phát hiện bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ bị cáo mới sinh con nhỏ Nguyễn Minh H1 (ngày 5/12/2025), giao nộp huân huy chương của ông nội, ông ngoại, đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định K2 điều 51 – BLHS. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại K1 và K2 Điều 51- BLHS, không có tình tiết tăng nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên có đủ điều kiện áp dụng K3 Điều 54 – BLHS để xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, loại tội tham nhũng nên cần thiết phải cách ly xã hội một thời gian nhất định để răn đe và phòng ngừa chung.

Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến Đ, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của VKSND tỉnh Hưng Yên.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo T3 được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343 điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến Đ. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến Đ 01(một) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án về tội “Tham ô tài sản”.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tiến Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ KTGD I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND khu vực 6– Hưng Yên;
- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

